

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 13 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 259/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Thành Ch, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 045076010XXX, cấp ngày 03/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: Thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú và địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố Huế.

- Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1992; Căn cước công dân số 046192000XXX, cấp ngày 11/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: Thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị; nơi tạm trú và địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố Huế.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Quảng Trị) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh Ch và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu

công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001433 và Biên lai số 0001434 cùng ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Lê Thành Ch và chị Phan Thị Ngọc T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 4-Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - Phòng THADS khu vực 4-Huế;
 - UBND xã D, tỉnh Quảng Trị
- (ĐKKH ngày 04/10/2022);
- Lưu án văn;
 - Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú